

Số: 63/QĐ-KT

Cẩm Giàng, ngày 21 tháng 8 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Danh mục hồ sơ Lưu trữ của Phòng Kinh tế
xã Cẩm Giàng năm 2025

TRƯỞNG PHÒNG KINH TẾ XÃ CẨM GIÀNG

Căn cứ Luật Lưu trữ ngày 21 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 30/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2020 của Chính phủ về công tác Văn thư Lưu trữ;

Căn cứ Nghị định số 150/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; Căn cứ Nghị định số 113/2025/NĐ-CP ngày 21/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Lưu trữ;

Căn cứ Thông tư số 10/2022/TT-BNV ngày 19/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định thời hạn bảo quản tài liệu;

Căn cứ Thông tư số 06/2025/TT-BNV ngày 15/5/2025 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định chi tiết một số điều của Luật Lưu trữ năm 2024;

Căn cứ Thông tư số 74/2025/TT-BTC ngày 04/7/2025 của Bộ Tài chính quy định thời hạn lưu trữ hồ sơ, tài liệu ngành tài chính;

Căn cứ Thông tư số 07/2025/TT-BXD ngày 15/5/2025 của Bộ Xây dựng quy định thời hạn lưu trữ hồ sơ, tài liệu thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 19/2025/TT-BCT ngày 16/4/2025 của Bộ Công thương quy định thời hạn lưu trữ hồ sơ, tài liệu ngành Công thương;

Căn cứ Thông tư số 02/2025/TT-BNNMT ngày 15/5/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định thời hạn lưu trữ hồ sơ, tài liệu lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Hướng dẫn số 37/HD-SNV ngày 26/7/2025 của Sở Nội vụ hướng dẫn xây dựng, ban hành Danh mục hồ sơ;

Căn cứ Công văn số 301/UBND-NV ngày 29/7/2025 của UBND xã Cẩm Giàng về việc tổ chức thực hiện công tác văn thư, lưu trữ;

Theo đề nghị của công chức Văn thư phòng Kinh tế.



QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Danh mục hồ sơ Lưu trữ năm 2025 của phòng Kinh tế xã Cẩm Giàng (có danh mục hồ sơ kèm theo).

Điều 2. Giao công chức phòng Kinh tế có trách nhiệm lập hồ sơ công việc về những nhiệm vụ được giao xử lý; lập hồ sơ, bảo quản và nộp hồ sơ, tài liệu có thời hạn Lưu trữ từ 05 (năm) năm trở lên thực hiện lưu trữ theo đúng thời hạn quy định.

Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, các hồ sơ không có trong Danh mục hồ sơ (hồ sơ phát sinh) công chức được giao nhiệm vụ giải quyết công việc tự xác định các thông tin: Tiêu đề hồ sơ, số và ký hiệu hồ sơ, thời hạn lưu trữ cho hồ sơ, người lập hồ sơ và thời gian bắt đầu, đồng thời bổ sung vào Danh mục hồ sơ trong Hệ thống quản lý văn bản và điều hành của cơ quan để lập hồ sơ theo quy định.

Điều 3. Công chức của phòng Kinh tế xã Cẩm Giàng chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Sở Nội vụ (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND xã (để b/c);
- Các Phòng, đơn vị thuộc UBND xã (biết);
- Như Điều 3 (T.hiện);
- Lưu: VT.

TRƯỞNG PHÒNG

Nông Thị Huyền





DANH MỤC HỒ SƠ CỦA PHÒNG KINH TẾ
(Kèm theo Quyết định số: 63 /QĐ-KT ngày 21 / 8 /2025
của Trưởng phòng Kinh tế, UBND xã Cẩm Giàng)

I. LĨNH VỰC CHUNG

Số ký hiệu hồ sơ: Từ số 01.KT đến số 25.KT (sau đây viết tắt theo số thứ tự)

Số và ký hiệu HS	Tiêu đề mục và tiêu đề hồ sơ	Thời hạn bảo quản	Người lập hồ sơ	Ghi chú
1	2	3	4	5
	1. VĂN BẢN CHUNG			
01. KT	Tài liệu của của xã chỉ đạo trực tiếp về các vấn đề KT-XH của xã	Đến khi văn bản hết hiệu lực thi hành	Công chức phòng KT	
02.KT	Chương trình, kế hoạch, báo cáo công tác của xã, phòng hàng năm	Vĩnh viễn		
03.KT	- Hồ sơ kiểm tra tình hình chỉ đạo, thực hiện các chế độ, quy định, chương trình về các vấn đề kinh tế - xã hội của xã; - Hồ sơ đơn đốc các đơn vị thực hiện nhiệm vụ được giao	Vĩnh viễn 05 năm		
04.KT	Hồ sơ, tài liệu về các hội nghị, kỳ họp của xã: - Tổng kết công tác năm, nhiều năm - Kỳ họp của UBND, Thường trực UBND (thường kỳ, bất thường) - Sơ kết 6 tháng, 9 tháng	Vĩnh viễn Vĩnh viễn 10 năm		
05.KT	Hồ sơ hội nghị, hội thảo nhân dịp kỷ niệm các ngày lễ lớn, các sự kiện quan trọng của đất nước, của địa phương do xã thực hiện	20 năm		
06.KT	Thông báo kết quả, ý kiến kết luận các cuộc họp thường kỳ, bất thường và cuộc họp giao ban hàng tháng của UBND, Thường trực UBND, Chủ tịch các phó Chủ tịch	10 năm	Công chức phòng KT	
07.KT	Sổ ghi biên bản các cuộc họp phòng KT	05 năm	Văn thư	
08.KT	Hồ sơ xây dựng Quy chế làm việc	Vĩnh viễn	Văn thư	
09.KT	Công văn trao đổi về công tác KT	05 năm	Công chức phòng KT	
10.KT	Báo cáo về công tác tài chính, ngân sách của xã, phòng KT	20 năm	Kế toán	
11.KT	Hồ sơ xây dựng dự toán thu chi ngân sách hàng năm, phòng KT	Vĩnh viễn	Kế toán	
12.KT	Văn bản của cơ quan trung ương, của xã hướng dẫn, chỉ đạo trực tiếp về công tác tài chính-ngân sách	Đến khi văn bản hết hiệu lực thi hành	Kế toán	

13.KT	Báo cáo thực hiện dự toán ngân sách nhà nước	Vĩnh viễn	Kế toán	
14.KT	Hồ sơ tự chủ, tự chịu trách nhiệm cho các đơn vị	50 năm	Kế toán	
15.KT	Báo cáo tổng hợp, thống kê số liệu, tình hình quản lý, sử dụng tài sản công	Vĩnh viễn	Kế toán	
16.KT	Công văn trao đổi, xin ý kiến về việc quản lý, mua sắm tài sản nhà nước	10 năm	Kế toán	
	1. VĂN THƯ			
19.KT	Tập lưu Quyết định QPPL của UBND xã, phòng KT	Vĩnh viễn	Các công chức của phòng	
20.KT	Tập lưu Quyết định của UBND xã, phòng KT	Vĩnh viễn		
21.KT	Tập lưu Chỉ thị của UBND xã, phòng KT	Vĩnh viễn		
22.KT	Tập Lưu văn bản của Đảng ủy UBND xã	Vĩnh viễn		
23.KT	Tập lưu văn bản đi của UBND xã, phòng KT	Vĩnh viễn		
24.KT	Tập lưu văn bản đến của UBND xã, phòng KT	Vĩnh viễn		
25.KT	Các loại sổ sách: - Sổ đăng ký văn bản đi - Sổ đăng ký bí mật nhà nước đến - Sổ đăng ký văn bản đến - Sổ chuyển giao văn bản trong nội bộ - Mục lục hồ sơ có giá trị bảo quản vĩnh viễn	Vĩnh viễn 30 năm 20 năm 10 năm Vĩnh viễn	Văn thư	

II. LĨNH VỰC QUY HOẠCH, KẾ HOẠCH, ĐẦU TƯ

Số ký hiệu hồ sơ: Từ số 01.KT đến số 26.KT (sau đây viết tắt theo số thứ tự)

Số và ký hiệu HS	Tiêu đề hồ sơ	Thời hạn bảo quản	Người lập hồ sơ	Ghi chú
1	2	3		4
A	Lĩnh vực quy hoạch, kế hoạch			
01.KT	Tài liệu chỉ đạo chung của tỉnh về công tác quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội	Lưu tại đơn vị đến khi hết hiệu lực	Công chức phòng kinh tế	
02.KT	Chương trình, Kế hoạch, Báo cáo hằng năm, nhiều năm về công tác quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội	Vĩnh viễn	Công chức phòng kinh tế	
03.KT	Chương trình, Kế hoạch, Báo cáo 6 tháng, quý về công tác quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội	20 năm	Công chức phòng kinh tế	
04.KT	Chương trình, Kế hoạch, Báo cáo tháng về công tác quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội	5 năm	Công chức phòng kinh tế	
05.KT	Hồ sơ về kế hoạch, chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội của xã	Vĩnh viễn	Công chức phòng kinh tế	
06.KT	Hồ sơ Quyết định của tỉnh giao chỉ tiêu kế hoạch nhà nước hàng năm cho xã	Vĩnh viễn	Công chức phòng kinh tế	

13.KT	Báo cáo thực hiện dự toán ngân sách nhà nước	Vĩnh viễn	Kế toán	
14.KT	Hồ sơ tự chủ, tự chịu trách nhiệm cho các đơn vị	50 năm	Kế toán	
15.KT	Báo cáo tổng hợp, thống kê số liệu, tình hình quản lý, sử dụng tài sản công	Vĩnh viễn	Kế toán	
16.KT	Công văn trao đổi, xin ý kiến về việc quản lý, mua sắm tài sản nhà nước	10 năm	Kế toán	
	1. VĂN THƯ			
19.KT	Tập lưu Quyết định QPPL của UBND xã, phòng KT	Vĩnh viễn	Các công chức của phòng	
20.KT	Tập lưu Quyết định của UBND xã, phòng KT	Vĩnh viễn		
21.KT	Tập lưu Chỉ thị của UBND xã, phòng KT	Vĩnh viễn		
22.KT	Tập Lưu văn bản của Đảng ủy UBND xã	Vĩnh viễn		
23.KT	Tập lưu văn bản đi của UBND xã, phòng KT	Vĩnh viễn		
24.KT	Tập lưu văn bản đến của UBND xã, phòng KT	Vĩnh viễn		
25.KT	Các loại sổ sách: - Sổ đăng ký văn bản đi - Sổ đăng ký bí mật nhà nước đến - Sổ đăng ký văn bản đến - Sổ chuyển giao văn bản trong nội bộ - Mục lục hồ sơ có giá trị bảo quản vĩnh viễn	Vĩnh viễn 30 năm 20 năm 10 năm Vĩnh viễn	Văn thư	

II. LĨNH VỰC QUY HOẠCH, KẾ HOẠCH, ĐẦU TƯ

Số ký hiệu hồ sơ: Từ số 01.KT đến số 26.KT (sau đây viết tắt theo số thứ tự)

Số và ký hiệu HS	Tiêu đề hồ sơ	Thời hạn bảo quản	Người lập hồ sơ	Ghi chú
1	2	3		4
A	Lĩnh vực quy hoạch, kế hoạch			
01.KT	Tài liệu chỉ đạo chung của tỉnh về công tác quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội	Lưu tại đơn vị đến khi hết hiệu lực	Công chức phòng kinh tế	
02.KT	Chương trình, Kế hoạch, Báo cáo hằng năm, nhiều năm về công tác quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội	Vĩnh viễn	Công chức phòng kinh tế	
03.KT	Chương trình, Kế hoạch, Báo cáo 6 tháng, quý về công tác quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội	20 năm	Công chức phòng kinh tế	
04.KT	Chương trình, Kế hoạch, Báo cáo tháng về công tác quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội	5 năm	Công chức phòng kinh tế	
05.KT	Hồ sơ về kế hoạch, chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội của xã	Vĩnh viễn	Công chức phòng kinh tế	
06.KT	Hồ sơ Quyết định của tỉnh giao chỉ tiêu kế hoạch nhà nước hàng năm cho xã	Vĩnh viễn	Công chức phòng kinh tế	

07.KT	Hồ sơ về quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của xã	Vĩnh viễn	Công chức phòng kinh tế	
08.KT	Hồ sơ về công tác quy hoạch kinh tế- xã hội trên địa bàn xã	Vĩnh viễn	Công chức phòng kinh tế	
09.KT	Hồ sơ triển khai văn bản của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh về công tác quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội	Vĩnh viễn	Công chức phòng kinh tế	
10.KT	Hồ sơ triển khai văn bản của Đảng ủy, HĐND xã về công tác quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội	Vĩnh viễn	Công chức phòng kinh tế	
11.KT	Công văn trao đổi về công tác quy hoạch, kế hoạch	10 năm	Công chức phòng kinh tế	
B	Lĩnh vực đầu tư			
12.KT	Tài liệu chỉ đạo chung của tỉnh về vốn đầu tư công	Lưu tại đơn vị đến khi hết hiệu lực	Công chức phòng kinh tế	
13.KT	Chương trình, Kế hoạch, Báo cáo hàng năm, nhiều năm về vốn đầu tư công	Vĩnh viễn	Công chức phòng kinh tế	
14.KT	Chương trình, Kế hoạch, Báo cáo 6 tháng, quý về vốn đầu tư công	20 năm	Công chức phòng kinh tế	
15.KT	Chương trình, Kế hoạch, Báo cáo tháng về vốn đầu tư công	5 năm	Công chức phòng kinh tế	
16.KT	Hồ sơ giao chỉ tiêu kế hoạch đầu tư xây dựng nguồn vốn ngân sách địa phương năm	Vĩnh viễn	Công chức phòng kinh tế	
17.KT	Hồ sơ điều chỉnh kế hoạch đầu tư vốn ngân sách địa phương	Vĩnh viễn	Công chức phòng kinh tế	
18.KT	Hồ sơ Quyết định giao kế hoạch đầu tư xây dựng nguồn ngân sách địa phương	Vĩnh viễn	Công chức phòng kinh tế	
19.KT	Hồ sơ về quyết định chủ trương đầu tư các dự án	Vĩnh viễn	Công chức phòng kinh tế	
20.KT	Hồ sơ về lĩnh vực vốn đầu tư công	Vĩnh viễn	Công chức phòng kinh tế	
21.KT	Hồ sơ về các dự án theo lĩnh vực (nông nghiệp và phát triển nông thôn; giáo dục và đào tạo; công thương; văn hóa, thể thao và du lịch...)	Vĩnh viễn	Công chức phòng kinh tế	
22.KT	Hồ sơ về Danh mục Dự án đầu tư có sử dụng đất trên địa bàn xã	Hồ sơ về Danh mục Dự án đầu tư có sử dụng đất trên địa bàn xã	Công chức phòng kinh tế	

23.KT	Hồ sơ về giải quyết khó khăn của doanh nghiệp	Vĩnh viễn	Công chức phòng kinh tế	
24.KT	Hồ sơ về triển khai văn bản của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh về lĩnh vực đầu tư	Vĩnh viễn	Công chức phòng kinh tế	
25.KT	Hồ sơ về triển khai văn bản của Đảng ủy, HĐND xã về lĩnh vực đầu tư	Vĩnh viễn	Công chức phòng kinh tế	
26.KT	Công văn trao đổi về công tác đầu tư	10 năm	Công chức phòng kinh tế	

III. LĨNH VỰC TÀI CHÍNH NGÂN SÁCH

Số ký hiệu hồ sơ: Từ số 01.KT đến số 44.KT (sau đây viết tắt theo số thứ tự)

Số và ký hiệu HS	Tiêu đề hồ sơ	Thời hạn bảo quản		Ghi chú
1	2	3		4
A	Lĩnh vực Tài chính			
01.KT	Tài liệu chỉ đạo chung của tỉnh về lĩnh vực tài chính, ngân hàng	Lưu tại đơn vị đến khi hết hiệu lực	Công chức Lĩnh vực tài chính	
02.KT	Văn bản của cơ quan Trung ương, của tỉnh hướng dẫn, chỉ đạo trực tiếp về công tác tài chính, ngân hàng	Vĩnh viễn	Công chức Lĩnh vực tài chính	
03.KT	Chương trình, Kế hoạch, Báo cáo năm về công tác tài chính, ngân sách của xã	Vĩnh viễn	Công chức Lĩnh vực tài chính	
04.KT	Chương trình, Kế hoạch, Báo cáo 9 tháng, 6 tháng, quý về công tác tài chính, ngân sách của xã	20 năm	Công chức Lĩnh vực tài chính	
05.KT	Chương trình, Kế hoạch, Báo cáo tháng về công tác tài chính, ngân sách của xã	5 năm	Công chức Lĩnh vực tài chính	
06.KT	Hồ sơ lập dự toán thu chi ngân sách hàng năm của xã	20 năm	Công chức Lĩnh vực tài chính	
07.KT	Hồ sơ giao dự toán thu chi ngân sách hàng năm: Tỉnh giao cho xã	Vĩnh viễn	Công chức Lĩnh vực tài chính	
08.KT	Báo cáo thực hiện dự toán ngân sách nhà nước của xã	Vĩnh viễn	Công chức Lĩnh vực tài chính	
09.KT	Hồ sơ, tài liệu điều chỉnh dự toán thu chi ngân sách của xã	Vĩnh viễn	Công chức Lĩnh vực tài chính	
10.KT	Báo cáo tài chính hàng năm của các phòng, ban	Vĩnh viễn	Công chức Lĩnh vực tài chính	
11.KT	Báo cáo năm về quyết toán thu chi ngân sách	Vĩnh viễn	Công chức Lĩnh vực tài chính	
12.KT	Hồ sơ, tài liệu về việc kiểm tra thực hiện dự toán ngân sách và quyết toán ngân sách hàng năm	20 năm	Công chức Lĩnh vực tài chính	

13.KT	Hồ sơ, tài liệu kiểm tra, kiểm toán của cơ quan kiểm toán Nhà nước theo yêu cầu của cấp có thẩm quyền tại tỉnh	20 năm	Công chức Lãnh vực tài chính	
14.KT	Công văn trao đổi về công tác tài chính, ngân sách	10 năm	Công chức Lãnh vực tài chính	
B	Quản lý tài sản công			
15.KT	Tài liệu chỉ đạo chung của tỉnh về công tác quản lý công sản	Lưu tại đơn vị đến khi hết hiệu lực	Công chức Lãnh vực tài chính	
16.KT	Văn bản của của tỉnh, của xã chỉ đạo trực tiếp việc quản lý công sản trên địa bàn xã	Vĩnh viễn	Công chức Lãnh vực tài chính	
17.KT	Báo cáo về công tác quản lý công sản hàng năm của xã	Vĩnh viễn	Công chức Lãnh vực tài chính	
18.KT	Báo cáo tổng hợp tình hình tăng giảm tài sản Nhà nước của các cơ quan, đơn vị	20 năm	Công chức Lãnh vực tài chính	
19.KT	Hồ sơ, tài liệu về quản lý công sản (KCN, đất đai, trụ sở làm việc...) của xã	Vĩnh viễn	Công chức Lãnh vực tài chính	
20.KT	Hồ sơ, tài liệu về thay đổi chủ sở hữu tài sản công	Vĩnh viễn	Công chức Lãnh vực tài chính	
21.KT	Hồ sơ, tài liệu tổng kiểm kê tài sản cố định của các cơ quan, đơn vị	20 năm	Công chức Lãnh vực tài chính	
22.KT	Hồ sơ xử lý, giải quyết các vụ việc, vấn đề liên quan đến quản lý tài sản công	10 năm	Công chức Lãnh vực tài chính	
23.KT	Hồ sơ Hội nghị tổng kết và Hội nghị chuyên đề về công tác quản lý công sản	Vĩnh viễn	Công chức Lãnh vực tài chính	
24.KT	Công văn trao đổi về việc quản lý, mua sắm tài sản nhà nước	10 năm	Công chức Lãnh vực tài chính	
C	Kiểm toán			
25.KT	Tài liệu chỉ đạo chung của tỉnh về công tác kiểm toán	Lưu tại đơn vị đến khi hết hiệu lực	Công chức Lãnh vực tài chính	
26.KT	Văn bản của cơ quan Trung ương, của tỉnh chỉ đạo trực tiếp về công tác kiểm toán	Vĩnh viễn	Công chức Lãnh vực tài chính	
27.KT	Hồ sơ, tài liệu hướng dẫn kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật của Nhà nước về kiểm toán	Vĩnh viễn	Công chức Lãnh vực tài chính	

28.KT	Hồ sơ, tài liệu về tổ chức thực hiện, triển khai chế độ, chính sách kiểm toán tại các địa phương	20 năm	Công chức Lãnh vực tài chính	
29.KT	Báo cáo của các sở, ban, ngành, doanh nghiệp về công tác kiểm toán	Vĩnh viễn	Công chức Lãnh vực tài chính	
30.KT	Hồ sơ kiểm toán Nhà nước	20 năm	Công chức Lãnh vực tài chính	
31.KT	Hồ sơ kiểm toán nội bộ	10 năm	Công chức Lãnh vực tài chính	
D	Vật giá			
32.KT	Văn bản của UBND tỉnh về quản lý giá cả, thị trường và quy định về khung giá trên địa bàn tỉnh	20 năm	Công chức Lãnh vực tài chính	
33.KT	Báo cáo năm về tình hình giá cả, thị trường và công tác quản lý chỉ đạo, định hướng điều hành giá cả ở xã	20 năm	Công chức Lãnh vực tài chính	
34.KT	Báo cáo tháng về tình hình giá cả, thị trường và công tác quản lý chỉ đạo, định hướng điều hành giá cả ở xã	5 năm	Công chức Lãnh vực tài chính	
E	Thuế			
35.KT	Tài liệu chỉ đạo chung của cấp trên về lĩnh vực thuế	Lưu tại đơn vị đến khi hết hiệu lực	Công chức Lãnh vực tài chính	
36.KT	Văn bản của cơ quan cấp trên, của tỉnh quy định các mức thuế, phí, lệ phí trên địa bàn xã	Vĩnh viễn	Công chức Lãnh vực tài chính	
37.KT	Chỉ tiêu pháp lệnh và chỉ tiêu phấn đấu thu ngân sách Nhà nước hàng năm của xã (chính thực, bổ sung, điều chỉnh)	20 năm	Công chức Lãnh vực tài chính	
38.KT	Hồ sơ xây dựng và phê duyệt dự toán thu ngân sách Nhà nước hàng năm	Vĩnh viễn	Công chức Lãnh vực tài chính	
39.KT	Báo cáo tổng hợp nguồn thu thuế hàng năm	Vĩnh viễn	Công chức Lãnh vực tài chính	
G	Quản lý thị trường			
40.KT	Tài liệu chỉ đạo chung của cấp trên về lĩnh vực quản lý thị trường	Lưu tại đơn vị đến khi hết hiệu lực	Công chức Lãnh vực Công Thương	
41.KT	Văn bản của cơ quan Trung ương, của tỉnh chỉ đạo trực tiếp về công tác quản lý thị trường trên địa bàn xã	Vĩnh viễn	Công chức Lãnh vực Công Thương	
42.KT	Kế hoạch, báo cáo năm tình hình quản lý thị trường của xã	Vĩnh viễn	Công chức Lãnh vực Công Thương	

43.KT	Kế hoạch, báo cáo 9 tháng, 6 tháng, quý tình hình quản lý thị trường của xã	20 năm	Công chức Lãnh vực Công Thương	
44. KT	Hồ sơ xử lý, giải quyết các vụ việc liên quan đến lĩnh vực quản lý thị trường trên địa bàn xã: - Vụ việc nghiêm trọng - Vụ việc khác	Vĩnh viễn 20 năm	Công chức Lãnh vực Công Thương	

IV. LĨNH NÔNG NGHIỆP, MÔI TRƯỜNG

Số ký hiệu hồ sơ: Từ số 01.KT đến số 135.KT (sau đây viết tắt theo số thứ tự)

Số và ký hiệu HS	Tiêu đề hồ sơ	Thời hạn bảo quản		Ghi chú
1	2	3		4
A	Đất			
01.KT	Tài liệu chỉ đạo chung của cơ quan cấp trên về công tác quản lý, sử dụng đất	Lưu tại đơn vị đến khi hết hiệu lực	Công chức lãnh vực đất đai	
02.KT	Chương trình, Kế hoạch, Báo cáo hàng năm về công tác quản lý, sử dụng đất của xã	Vĩnh viễn	Công chức lãnh vực đất đai	
03.KT	Chương trình, Kế hoạch, Báo cáo 6 tháng, quý về công tác quản lý, sử dụng đất của xã	20 năm	Công chức lãnh vực đất đai	
04.KT	Chương trình, Kế hoạch, Báo cáo tháng về công tác quản lý, sử dụng đất của xã	5 năm	Công chức lãnh vực đất đai	
05.KT	Hồ sơ, tài liệu về kế hoạch sử dụng đất	Vĩnh viễn	Công chức lãnh vực đất đai	
06.KT	Hồ sơ về Bảng giá các loại đất trên địa bàn xã	Vĩnh viễn	Công chức lãnh vực đất đai	
07.KT	Hồ sơ phê duyệt hệ số điều chỉnh giá đất để làm cơ sở phục vụ công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư	Vĩnh viễn	Công chức lãnh vực đất đai	
08.KT	Hồ sơ phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và chi phí thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi nhà nước thu hồi đất	Vĩnh viễn	Công chức lãnh vực đất đai	
09.KT	Hồ sơ phê duyệt kinh tế kỹ thuật về đo đạc bản đồ địa chính	Vĩnh viễn	Công chức lãnh vực đất đai	
10.KT	Hồ sơ phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu về đo đạc bản đồ địa chính	Vĩnh viễn	Công chức lãnh vực đất đai	
11.KT	Hồ sơ về giải quyết khiếu nại, phản ánh của công dân về lĩnh vực đất đai trên địa bàn xã	Vĩnh viễn	Công chức lãnh vực đất đai	

12.KT	Hồ sơ về xử lý đơn, thư của tổ chức, cá nhân trên địa bàn xã	10 năm	Công chức lĩnh vực đất đai	
13.KT	Hồ sơ về xử phạt vi phạm hành chính về lĩnh vực đất đai	Vĩnh viễn	Công chức lĩnh vực đất đai	
14.KT	Hồ sơ triển khai các văn bản của Đảng ủy, HĐND xã về lĩnh vực đất đai	Vĩnh viễn	Công chức lĩnh vực đất đai	
15.KT	Hồ sơ, tài liệu về giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất	Vĩnh viễn	Công chức lĩnh vực đất đai	
16.KT	Hồ sơ, tài liệu về thu hồi đất	Vĩnh viễn	Công chức lĩnh vực đất đai	
17.KT	Hồ sơ, tài liệu về gia hạn sử dụng đất	Vĩnh viễn	Công chức lĩnh vực đất đai	
18.KT	Hồ sơ, tài liệu về tạo lập, phát triển, quản lý, khai thác quỹ đất	Vĩnh viễn	Công chức lĩnh vực đất đai	
19.KT	Trích đo địa chính (bao gồm: Trích đo địa chính thửa đất, mảnh trích đo địa chính, trích lục bản đồ địa chính)	Vĩnh viễn	Công chức lĩnh vực đất đai	
20.KT	Hồ sơ thẩm định quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất	Vĩnh viễn	Công chức lĩnh vực đất đai	
21.KT	Hồ sơ định giá đất cụ thể	10 năm	Công chức lĩnh vực đất đai	
22.KT	Phương án đấu giá quyền sử dụng đất	10 năm sau khi giao đất	Công chức lĩnh vực đất đai	
B	Nông nghiệp và phát triển nông thôn			
22.KT	Tài liệu chỉ đạo chung của cơ quan trung ương về lĩnh vực nông nghiệp	Lưu tại đơn vị đến khi hết hiệu lực	Công chức lĩnh vực Nông nghiệp	
23.KT	Chương trình, kế hoạch, báo cáo hàng năm, nhiều năm về lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn	Vĩnh viễn	Công chức lĩnh vực Nông nghiệp	
24.KT	Chương trình, kế hoạch, báo cáo 6 tháng, quý về lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn	20 năm	Công chức lĩnh vực Nông nghiệp	
25. KT	Chương trình, kế hoạch, báo cáo tháng về lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn	5 năm	Công chức lĩnh vực Nông nghiệp	
C	Nông nghiệp			
26.KT	Hồ sơ chỉ đạo điểm, điển hình của tỉnh về những vấn đề nông nghiệp	Vĩnh viễn	Công chức lĩnh vực Nông nghiệp	
27.KT	Hồ sơ về đào tạo ngành nghề nông thôn	20 năm	Công chức lĩnh vực Nông nghiệp	
28.KT	Hồ sơ dự án các làng nghề nông nghiệp, nông thôn	20 năm	Công chức lĩnh vực Nông nghiệp	
D	Trồng trọt và bảo vệ thực vật			
29.KT	Hồ sơ về sản xuất các loại cây trồng	20 năm	Công chức lĩnh	

	theo vụ (vụ xuân, vụ mùa, vụ đông)		vực Nông nghiệp	
30.KT	Hồ sơ về lĩnh vực trồng trọt	20 năm	Công chức lĩnh vực Nông nghiệp	
31.KT	Hồ sơ về lĩnh vực bảo vệ thực vật	20 năm	Công chức lĩnh vực Nông nghiệp	
32.KT	Hồ sơ triển khai văn bản của Tỉnh ủy, Đảng ủy, HĐND xã	Vĩnh viễn	Công chức lĩnh vực Nông nghiệp	
33.KT	Chương trình, kế hoạch, báo cáo hàng năm, nhiều năm về lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật	Vĩnh viễn	Công chức lĩnh vực Nông nghiệp	
34.KT	Chương trình, kế hoạch, báo cáo 6 tháng, quý về lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật	20 năm	Công chức lĩnh vực Nông nghiệp	
35.KT	Chương trình, kế hoạch, báo cáo tháng về lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật	5 năm	Công chức lĩnh vực Nông nghiệp	
36.KT	Hồ sơ về sản xuất, chế biến, tiêu thụ nông sản	20 năm	Công chức lĩnh vực Nông nghiệp	
37.KT	Hồ sơ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ thực vật	Vĩnh viễn	Công chức lĩnh vực Nông nghiệp	
E	Chăn nuôi thú y			
38.KT	Hồ sơ về công tác chăn nuôi, thú y	20 năm	Công chức lĩnh vực Nông nghiệp	
39.KT	Hồ sơ về phòng chống dịch bệnh trên gia súc, gia cầm, thủy sản	20 năm	Công chức lĩnh vực Nông nghiệp	
40.KT	Hồ sơ về tiêm phòng cho đàn vật nuôi; khử trùng, tiêu độc	20 năm	Công chức lĩnh vực Nông nghiệp	
41.KT	Chương trình, kế hoạch, báo cáo hàng năm, nhiều năm về lĩnh vực chăn nuôi, thú y	Vĩnh viễn	Công chức lĩnh vực Nông nghiệp	
42.KT	Chương trình, kế hoạch, báo cáo 6 tháng, quý về lĩnh vực chăn nuôi thú y	20 năm	Công chức lĩnh vực Nông nghiệp	
43.KT	Chương trình, kế hoạch, báo cáo tháng về lĩnh vực chăn nuôi thú y	5 năm	Công chức lĩnh vực Nông nghiệp	
44.KT	Hồ sơ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chăn nuôi, thú y	Vĩnh viễn	Công chức lĩnh vực Nông nghiệp	
G	Thủy sản			
45.KT	Hồ sơ về công tác nuôi trồng thủy sản	20 năm	Công chức lĩnh vực Nông nghiệp	
46.KT	Hồ sơ về triển khai văn bản của Trung ương, của tỉnh ủy, HĐND tỉnh về lĩnh vực Thủy sản	20 năm	Công chức lĩnh vực Nông nghiệp	
47.KT	Chương trình, kế hoạch, báo cáo hàng năm, nhiều năm về lĩnh vực thủy sản	Vĩnh viễn	Công chức lĩnh vực Nông nghiệp	
48.KT	Chương trình, kế hoạch, báo cáo 6 tháng, quý về lĩnh vực thủy sản	20 năm	Công chức lĩnh vực Nông nghiệp	
49.KT	Chương trình, kế hoạch, báo cáo tháng về lĩnh vực thủy sản	5 năm	Công chức lĩnh vực Nông nghiệp	

50.KT	Hồ sơ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thủy sản	Vĩnh viễn	Công chức lĩnh vực Nông nghiệp	
H	Quản lý chất lượng nông lâm sản, thủy sản			
51.KT	Hồ sơ về công tác quản lý nông lâm sản, thủy sản	20 năm	Công chức lĩnh vực Nông nghiệp	
52.KT	Hồ sơ về triển khai văn bản của Trung ương, của tỉnh ủy, HĐND tỉnh về lĩnh vực quản lý nông lâm sản, thủy sản	20 năm	Công chức lĩnh vực Nông nghiệp	
53.KT	Chương trình, kế hoạch, báo cáo hàng năm, nhiều năm về lĩnh vực quản lý nông lâm sản, thủy sản	Vĩnh viễn	Công chức lĩnh vực Nông nghiệp	
54.KT	Chương trình, kế hoạch, báo cáo 6 tháng, quý về lĩnh vực quản lý nông lâm sản, thủy sản	20 năm	Công chức lĩnh vực Nông nghiệp	
55.KT	Chương trình, kế hoạch, báo cáo tháng về lĩnh vực quản lý nông lâm sản, thủy sản	5 năm	Công chức lĩnh vực Nông nghiệp	
56.KT	Hồ sơ về công tác khuyến nông	20 năm	Công chức lĩnh vực Nông nghiệp	
57.KT	Hồ sơ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực nông sản	Vĩnh viễn	Công chức lĩnh vực Nông nghiệp	
I	Hồ sơ về xây dựng nông thôn mới			
58.KT	Hồ sơ về chương trình xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh	Vĩnh viễn	Công chức lĩnh vực Nông nghiệp	
59.KT	Hồ sơ về công nhận các xã, huyện đạt chuẩn nông thôn mới	Vĩnh viễn	Công chức lĩnh vực Nông nghiệp	
60.KT	Hồ sơ về triển khai các văn bản chỉ đạo của Trung ương, của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, của xã về xây dựng nông thôn mới	Vĩnh viễn	Công chức lĩnh vực Nông nghiệp	
61.KT	Chương trình, kế hoạch, báo cáo hàng năm, nhiều năm về xây dựng nông thôn mới	Vĩnh viễn	Công chức lĩnh vực Nông nghiệp	
62.KT	Chương trình, kế hoạch, báo cáo 6 tháng, quý về xây dựng nông thôn mới	20 năm	Công chức lĩnh vực Nông nghiệp	
63.KT	Chương trình, kế hoạch, báo cáo tháng về xây dựng nông thôn mới	5 năm	Công chức lĩnh vực Nông nghiệp	
64.KT	Hồ sơ về giải quyết đơn thư trong lĩnh vực xây dựng nông thôn mới	10 năm	Công chức lĩnh vực Nông nghiệp	
F	Công tác phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn			
65.KT	Hồ sơ về công tác phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn trên địa bàn xã	Vĩnh viễn	Công chức lĩnh vực Nông nghiệp	
66.KT	Hồ sơ về triển khai các văn bản chỉ đạo của Trung ương, của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh của xã về công tác phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn	Vĩnh viễn	Công chức lĩnh vực Nông nghiệp	
67.KT	Chương trình, kế hoạch, báo cáo hàng	Vĩnh viễn	Công chức lĩnh	

	năm, nhiều năm về công tác phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn		vực Nông nghiệp	
68.KT	Chương trình, kế hoạch, báo cáo 6 tháng, quý về công tác phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn	20 năm	Công chức lĩnh vực Nông nghiệp	
69.KT	Chương trình, kế hoạch, báo cáo tháng về công tác phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn	5 năm	Công chức lĩnh vực Nông nghiệp	
70.KT	Hồ sơ hỗ trợ thiệt hại do thiên tai	Vĩnh viễn	Công chức lĩnh vực Nông nghiệp	
71.KT	Quỹ phòng chống thiên tai	Vĩnh viễn	Công chức lĩnh vực Nông nghiệp	
K	Thủy lợi			
72.KT	Hồ sơ phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư các công trình thủy lợi	theo tuổi thọ công trình	Công chức lĩnh vực Nông nghiệp	
73.KT	Hồ sơ thực hiện nhiệm vụ bảo đảm an ninh nguồn nước	20 năm	Công chức lĩnh vực Nông nghiệp	
74.KT	Hồ sơ thống kê và quản lý cơ sở dữ liệu lĩnh vực thủy lợi	10 năm	Công chức lĩnh vực Nông nghiệp	
75.KT	Hồ sơ kết quả đánh giá an toàn đập, hồ chứa thủy lợi, phương án tích nước hồ chứa và giải pháp đảm bảo an toàn đập, hồ chứa thủy lợi	20 năm	Công chức lĩnh vực Nông nghiệp	
76.KT	Hồ sơ công tác phòng, chống thiên tai, đảm bảo an toàn đập, hồ chứa thủy lợi	20 năm	Công chức lĩnh vực Nông nghiệp	
78.KT	Hồ sơ hướng dẫn bảo trì, khắc phục sự cố, nâng cấp bảo đảm an toàn đập, hồ chứa thủy lợi; đánh giá nhiệm vụ và công năng các hồ chứa nước, nâng cao năng lực phòng và cắt lũ	20 năm	Công chức lĩnh vực Nông nghiệp	
80.KT	Hồ sơ hướng dẫn việc thực hiện giải pháp bảo trì, khắc phục sự cố, nâng cấp bảo đảm an toàn đập, hồ chứa thủy lợi	10 năm	Công chức lĩnh vực Nông nghiệp	
81.KT	Hồ sơ quản lý, theo dõi tổ chức thực hiện bảo trì, khắc phục sự cố, nâng cấp, hiện đại hóa đập, hồ chứa nước	20 năm	Công chức lĩnh vực Nông nghiệp	

82.KT	Hồ sơ theo dõi diễn biến tình hình thời tiết, hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn, ngập lụt, úng, ảnh hưởng đến sản xuất và dân sinh	10 năm	Công chức lĩnh vực Nông nghiệp	
83.KT	Hồ sơ về tưới tiêu tiên tiến, tiết kiệm nước	20 năm	Công chức lĩnh vực Nông nghiệp	
84.KT	Hồ sơ quy trình vận hành các hệ thống công trình thủy lợi	20 năm	Công chức lĩnh vực Nông nghiệp	
85.KT	Hồ sơ về tình hình đảm bảo an toàn công trình trước và sau mưa lũ	20 năm	Công chức lĩnh vực Nông nghiệp	
86.KT	Hồ sơ về bảo trì công trình thủy lợi	Vĩnh viễn	Công chức lĩnh vực Nông nghiệp	
87.KT	Hồ sơ về tình hình vi phạm phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi	Vĩnh viễn	Công chức lĩnh vực Nông nghiệp	
88.KT	Hồ sơ về tình hình vi phạm quy định về xả nước thải vào công trình thủy lợi	Vĩnh viễn	Công chức lĩnh vực Nông nghiệp	
89.KT	Hồ sơ tổ chức, hướng dẫn, kiểm tra đánh giá công tác quản lý, khai thác công trình thủy lợi	20 năm	Công chức lĩnh vực Nông nghiệp	
90.KT	Hồ sơ thực hiện chính sách giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi, định mức kinh tế - kỹ thuật; tổ chức quản lý, khai thác công trình thủy lợi	20 năm	Công chức lĩnh vực Nông nghiệp	
92.KT	Hồ sơ xử lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi	Vĩnh viễn	Công chức lĩnh vực Nông nghiệp	
93.KT	Các văn bản, báo cáo, kế hoạch liên quan đến lĩnh vực thủy lợi	Vĩnh viễn	Công chức lĩnh vực Nông nghiệp	
94.KT	Đề xuất xây dựng các công trình thủy lợi	Vĩnh viễn	Công chức lĩnh vực Nông nghiệp	
95.KT	Hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực thủy lợi	Vĩnh viễn	Công chức lĩnh vực Nông nghiệp	
96.KT	Hồ sơ về xử phạt vi phạm hành chính lĩnh vực Thủy lợi và PCTT	Vĩnh viễn	Công chức lĩnh vực Nông nghiệp	

97.KT	Tập lưu văn bản góp ý, hướng dẫn, chỉ đạo về lĩnh vực Thủy lợi	50 năm	Công chức lĩnh vực Nông nghiệp	
98.KT	Tập lưu văn bản quy phạm pháp luật	Đến khi văn bản hết hiệu lực thi hành	Công chức lĩnh vực Nông nghiệp	
L	Công tác Giảm nghèo			
99.KT	Tài liệu chỉ đạo chung của cơ quan Trung ương về di cư tự do	Lưu tại đơn vị đến khi hết hiệu lực	Công chức lĩnh vực Nông nghiệp	
100.KT	- Chương trình, kế hoạch, báo cáo hàng năm về sắp xếp dân cư, ổn định dân di cư tự do	Vĩnh viễn	Công chức lĩnh vực Nông nghiệp	
101.KT	- Chương trình, kế hoạch, báo cáo 6 tháng, quý về sắp xếp dân cư, ổn định dân di cư tự do	20 năm	Công chức lĩnh vực Nông nghiệp	
102.KT	Chương trình, kế hoạch, báo cáo tháng về sắp xếp dân cư, ổn định dân di cư tự do	5 năm	Công chức lĩnh vực Nông nghiệp	
103.KT	Hồ sơ về quy hoạch dân cư, sắp xếp dân di cư ngoài kế hoạch trên địa bàn xã	Vĩnh viễn	Công chức lĩnh vực Nông nghiệp	
M	Khoáng sản			
104.KT	Hồ sơ cấp giấy xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản	Vĩnh viễn	Công chức lĩnh vực môi trường	
105.KT	Hồ sơ phê duyệt, phê duyệt điều chỉnh, phê duyệt lại, quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đối với giấy xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản	Vĩnh viễn	Công chức lĩnh vực môi trường	
106.KT	Hồ sơ quản lý, bảo vệ tài nguyên khoáng sản đối với các tổ chức, cá nhân hoạt động khoáng sản	Vĩnh viễn	Công chức lĩnh vực môi trường	
N	Lĩnh vực môi trường			
107.KT	Hồ sơ đăng ký môi trường	20 năm	Công chức lĩnh vực môi trường	
108.KT	Hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính về lĩnh vực môi trường	Vĩnh viễn	Công chức lĩnh vực môi trường	
109.KT	Hồ sơ về biến đổi khí hậu, tăng trưởng xanh	20 năm ĐGL	Công chức lĩnh vực môi trường	
110.KT	Hồ sơ triển khai văn bản của Trung ương về công tác môi trường	Vĩnh viễn	Công chức lĩnh vực môi trường	
111.KT	Hồ sơ Triển khai văn bản của tỉnh ủy, HĐND tỉnh, của xã về môi trường	Vĩnh viễn	Công chức lĩnh	

			vực môi trường	
112.KT	Hồ sơ về công tác môi trường	20 năm	Công chức lĩnh vực môi trường	
113.KT	Hồ sơ xử lý đơn thư, khiếu nại, phản ánh kiến nghị của của công dân về môi trường	Vĩnh viễn	Công chức lĩnh vực môi trường	
114.KT	Hồ sơ xử lý đơn thư, khiếu nại, phản ánh kiến nghị của của công dân về môi trường	10 năm	Công chức lĩnh vực môi trường	
J	Lâm nghiệp			
115.KT	Tài liệu chỉ đạo chung của cơ quan trung ương về lĩnh vực Lâm nghiệp	Lưu tại đơn vị đến khi hết hiệu lực	Công chức lĩnh vực Nông nghiệp	
116.KT	- Chương trình, Kế hoạch, Báo cáo hàng năm, nhiều năm về lĩnh vực Lâm nghiệp của xã	Vĩnh viễn	Công chức lĩnh vực Nông nghiệp	
117.KT	- Chương trình, Kế hoạch, Báo cáo 6 tháng, quý về lĩnh vực Lâm nghiệp của xã	20 năm	Công chức lĩnh vực Nông nghiệp	
118.KT	- Chương trình, Kế hoạch, Báo cáo tháng về lĩnh vực Lâm nghiệp của xã	5 năm	Công chức lĩnh vực Nông nghiệp	
119.KT	Hồ sơ phê duyệt Phương án quản lý rừng bền vững	Vĩnh viễn	Công chức lĩnh vực Nông nghiệp	
120.KT	Hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính về động vật rừng, lâm sản	Vĩnh viễn	Công chức lĩnh vực Nông nghiệp	
121.KT	Hồ sơ cho các cá nhân, tổ chức thuê rừng	Vĩnh viễn	Công chức lĩnh vực Nông nghiệp	
122.KT	Hồ sơ về các lĩnh vực về rừng	20 năm	Công chức lĩnh vực Nông nghiệp	
123.KT	Hồ sơ về quản lý, bảo vệ, khai thác rừng	Vĩnh viễn	Công chức lĩnh vực Nông nghiệp	
124.KT	Hồ sơ hoạt động của các công ty TNHH MTV lâm nghiệp và Ban quản lý rừng	Vĩnh viễn	Công chức lĩnh vực Nông nghiệp	
125.KT	Hồ sơ xử lý đơn thư đến tài nguyên rừng, đất rừng	20 năm	Công chức lĩnh vực Nông nghiệp	
K	Tài nguyên nước			
126.KT	Hồ sơ kê khai, đăng ký khai thác nước dưới đất	05 năm	Công chức lĩnh vực Nông nghiệp	
127.KT	Hồ sơ cấp lại giấy phép thăm dò nước dưới đất, giấy phép khai thác tài nguyên nước	05 năm	Công chức lĩnh vực Nông nghiệp	

128.KT	Hồ sơ cấp, gia hạn, điều chỉnh giấy phép khai thác nước dưới đất	05 năm	Công chức lĩnh vực Nông nghiệp	
129.KT	Hồ sơ cấp, gia hạn giấy phép khai thác nước mặt	05 năm	Công chức lĩnh vực Nông nghiệp	
130.KT	Hồ sơ đăng ký sử dụng mặt nước, đào hồ ao, sông, suối, kênh, mương, rạch	05 năm	Công chức lĩnh vực Nông nghiệp	
131.KT	Hồ sơ thẩm định, phê duyệt phương án cấm mốc giới hành lang bảo vệ nguồn nước đối với hồ chứa thủy điện	Vĩnh viễn	Công chức lĩnh vực Nông nghiệp	
132.KT	Hồ sơ lấy ý kiến đại diện cộng đồng dân cư và tổ chức, cá nhân	Vĩnh viễn		
133.KT	Hồ sơ về kế hoạch quản lý, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước, phòng chống suy thoái, cạn kiệt nguồn nước	Vĩnh viễn	Công chức lĩnh vực Nông nghiệp	
F	Hồ sơ về các dự án đầu tư			
134.KT	Hồ sơ về dự án đầu tư nước sạch nông thôn	Vĩnh viễn	Công chức lĩnh vực xây dựng	
135.KT	Hồ sơ về nước sạch nông thôn	20 năm	Công chức lĩnh vực xây dựng	

V. LĨNH VỰC XÂY DỰNG, CÔNG THƯƠNG

Số ký hiệu hồ sơ: Từ số 01.KT đến số 73.KT (sau đây viết tắt theo số thứ tự)

Số và ký hiệu HS	Tiêu đề hồ sơ	Thời hạn bảo quản	Người lập hồ sơ	Ghi chú
1	2	3		4
A	Công nghiệp			
01.KT	Chương trình, Kế hoạch, Báo cáo hàng năm về phát triển công nghiệp của xã	Vĩnh viễn	Công chức lĩnh vực Công Thương	
02.KT	Chương trình, Kế hoạch, Báo cáo 6 tháng, quý về phát triển công nghiệp của xã	20 năm	Công chức lĩnh vực Công Thương	
03.KT	Chương trình, Kế hoạch, Báo cáo tháng về phát triển công nghiệp của xã	5 năm	Công chức lĩnh vực Công Thương	
04.KT	Hồ sơ về quy hoạch phát triển các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, dự án thành lập, đầu tư các khu công nghiệp, cụm công nghiệp	Vĩnh viễn	Công chức lĩnh vực Công Thương	
05.KT	Hồ sơ, tài liệu về quy hoạch xây dựng khu công nghiệp, cụm công nghiệp	Vĩnh viễn	Công chức lĩnh vực Công Thương	

06.KT	Hồ sơ Quyết định của UBND tỉnh về Công nghiệp	Vĩnh viễn	Công chức lĩnh vực Công Thương	
07.KT	Hồ sơ về công tác công nghiệp	20 năm	Công chức lĩnh vực Công Thương	
08.KT	Hồ sơ về công tác khuyến công	20 năm	Công chức lĩnh vực Công Thương	
09.KT	Hồ sơ về làng nghề	20 năm	Công chức lĩnh vực Công Thương	
10.KT	Hồ sơ về các khu công nghiệp, cụm công nghiệp	20 năm	Công chức lĩnh vực Công Thương	
11.KT	Hồ sơ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực Công nghiệp - Cụm Công nghiệp - Tiểu thủ công nghiệp	10 năm	Công chức lĩnh vực Công Thương	
12.KT	Hồ sơ về xử lý đơn, thư trong lĩnh vực Công nghiệp - Cụm Công nghiệp - Tiểu thủ công nghiệp	Vĩnh viễn	Công chức lĩnh vực Công Thương	
B	Điện			
13.KT	Tập hồ sơ tài liệu chỉ đạo của Trung ương, của tỉnh, của xã về lĩnh vực điện	Vĩnh viễn	Công chức lĩnh vực Công Thương	
14.KT	Chương trình, Kế hoạch, Báo cáo hàng năm về lĩnh vực điện của xã	Vĩnh viễn	Công chức lĩnh vực Công Thương	
15.KT	Chương trình, Kế hoạch, Báo cáo 6 tháng, quý về lĩnh vực điện của xã	20 năm	Công chức lĩnh vực Công Thương	
16.KT	Chương trình, Kế hoạch, Báo cáo tháng về lĩnh vực điện của xã	5 năm	Công chức lĩnh vực Công Thương	
17.KT	Tập hồ sơ tài liệu chỉ đạo của Trung ương, của tỉnh về lĩnh vực điện	Vĩnh viễn	Công chức lĩnh vực Công Thương	
18.KT	Chương trình, Kế hoạch, Báo cáo hàng năm về lĩnh vực điện của xã	Vĩnh viễn	Công chức lĩnh vực Công Thương	
19.KT	Chương trình, Kế hoạch, Báo cáo 6 tháng, quý về lĩnh vực điện của xã	20 năm	Công chức lĩnh vực Công Thương	
20.KT	Chương trình, Kế hoạch, Báo cáo tháng về lĩnh vực điện của xã	5 năm	Công chức lĩnh vực Công	

			Thương	
21.KT	Hồ sơ, tài liệu về quy hoạch, phát triển điện lực	Vĩnh viễn	Công chức lĩnh vực Công Thương	
22.KT	Tập quyết định của UBND tỉnh về Công tác điện lực	Vĩnh viễn	Công chức lĩnh vực Công Thương	
23.KT	Hồ sơ tập quyết định về xây dựng công trình điện (tuyến điện, điện năng lượng tái tạo)	Theo tuổi thọ công trình	Công chức lĩnh vực Công Thương	
24.KT	Hồ sơ Tập quyết định về Công tác cấp nước sinh hoạt	Vĩnh viễn	Công chức lĩnh vực Công Thương	
25.KT	Hồ sơ Tập quyết định về thoát nước	Vĩnh viễn	Công chức lĩnh vực Công Thương	
26.KT	Hồ sơ Tập quyết định về xử lý nước thải đô thị	Vĩnh viễn	Công chức lĩnh vực Công Thương	
27.KT	Hồ sơ về các vấn đề nước (cấp nước, thoát nước)	20 năm ĐGL	Công chức lĩnh vực Công Thương	
28.KT	Hồ sơ về xử phạt lĩnh vực điện, nước	Vĩnh viễn	Công chức lĩnh vực Công Thương	
29.KT	Hồ sơ về xử lý đơn, thư trong lĩnh vực điện, nước	10 năm	Công chức lĩnh vực Công Thương	
C	Giao thông vận tải			
30.KT	Tập hồ sơ tài liệu chỉ đạo của Trung ương, của tỉnh về lĩnh vực giao thông vận tải	Vĩnh viễn	Công chức lĩnh vực giao thông	
31.KT	Chương trình, Kế hoạch, Báo cáo hàng năm công tác giao thông vận tải của xã	Vĩnh viễn	Công chức lĩnh vực giao thông	
32.KT	Chương trình, Kế hoạch, Báo cáo 6 tháng, quý công tác giao thông vận tải của xã	20 năm	Công chức lĩnh vực giao thông	
33.KT	Chương trình, Kế hoạch, Báo cáo tháng công tác giao thông vận tải của xã	5 năm	Công chức lĩnh vực giao thông	
34.KT	Hồ sơ về phê duyệt quy hoạch, kế hoạch phát triển mạng lưới giao thông vận tải, an toàn lộ giới giao thông trên	Vĩnh viễn	Công chức lĩnh vực giao thông	

	địa bàn xã			
35.KT	Hồ sơ về xây dựng công trình giao thông	theo tuổi thọ công trình	Công chức lĩnh vực giao thông	
36.KT	Hồ sơ về xử lý đơn thư trong lĩnh vực giao thông vận tải	10 năm	Công chức lĩnh vực giao thông	
D	Hồ sơ về quy hoạch, phát triển đô thị			
37.KT	Tài liệu chỉ đạo chung của tỉnh về công tác quy hoạch	Lưu tại đơn vị đến khi hết hiệu lực	Công chức lĩnh vực giao thông	
38.KT	Chương trình, Kế hoạch, Báo cáo năm, nhiều năm về công tác quy hoạch, phát triển đô thị của xã	Vĩnh viễn	Công chức lĩnh vực giao thông	
39.KT	Chương trình, Kế hoạch, Báo cáo 6 tháng, quý về công tác quy hoạch, phát triển đô thị của xã	20 năm	Công chức lĩnh vực giao thông	
40.KT	Chương trình, Kế hoạch, Báo cáo tháng về công tác quy hoạch, phát triển đô thị của xã	5 năm	Công chức lĩnh vực giao thông	
41.KT	Hồ sơ, tài liệu về công tác quy hoạch xây dựng, ngành... , phát triển đô thị trên địa bàn xã	Vĩnh viễn	Công chức lĩnh vực giao thông	
42.KT	Hồ sơ phê duyệt, điều chỉnh quy hoạch vùng, quy hoạch chung trên địa bàn xã	Vĩnh viễn	Công chức lĩnh vực giao thông	
43.KT	Hồ sơ phê duyệt, điều chỉnh quy hoạch hạ tầng kỹ thuật (nước, chất thải rắn, nghĩa trang...)	Vĩnh viễn	Công chức lĩnh vực giao thông	
44.KT	Hồ sơ phê duyệt, điều chỉnh quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 trên địa bàn xã	Vĩnh viễn	Công chức lĩnh vực giao thông	
45.KT	Hồ sơ phê duyệt, điều chỉnh quy hoạch	Vĩnh viễn	Công chức lĩnh vực giao thông	
46.KT	Hồ sơ, tài liệu về quản lý quy hoạch, phát triển đô thị và kiến trúc	Vĩnh viễn	Công chức lĩnh vực giao thông	
E	Hồ sơ về xây dựng			
47.KT	Tài liệu chỉ đạo chung của tỉnh về lĩnh vực xây dựng	Lưu tại đơn vị đến khi hết hiệu lực	Công chức lĩnh vực xây dựng	
48.KT	Chương trình, Kế hoạch, Báo cáo năm, nhiều năm về lĩnh vực xây dựng của xã	Vĩnh viễn	Công chức lĩnh vực xây dựng	
49.KT	Hồ sơ về giải quyết khiếu kiện, tranh chấp nhà ở trên địa bàn xã	20 năm	Công chức lĩnh vực xây dựng	
50.KT	Hồ sơ về quản lý sử dụng nhà - đất ở	Vĩnh viễn	Công chức lĩnh	

			vực xây dựng	
51.KT	Hồ sơ về quản lý vật liệu xây dựng, kinh tế xây dựng (đơn giá, định mức, suất đầu tư...)	Vĩnh viễn	Công chức lĩnh vực xây dựng	
52.KT	Hồ sơ về triển khai văn bản của tỉnh về lĩnh vực xây dựng, nhà ở	Vĩnh viễn	Công chức lĩnh vực xây dựng	
53.KT	Hồ sơ triển khai văn bản của xã về lĩnh vực xây dựng, nhà ở	Vĩnh viễn	Công chức lĩnh vực xây dựng	
54.KT	Chương trình, Kế hoạch, Báo cáo 6 tháng, quý về lĩnh vực xây dựng của xã	20 năm	Công chức lĩnh vực xây dựng	
55.KT	Chương trình, Kế hoạch, Báo cáo tháng về lĩnh vực xây dựng của xã	5 năm	Công chức lĩnh vực xây dựng	
56.KT	Hồ sơ, tài liệu về lĩnh vực xây dựng, dự án đầu tư trên địa bàn xã	Vĩnh viễn	Công chức lĩnh vực xây dựng	
57.KT	Hồ sơ về công tác quản lý đô thị (hệ, đường đô thị, cấp nước, thoát nước, điện chiếu sáng, công viên xanh, rác thải đô thị, nghĩa trang, bãi đỗ xe trong đô thị...)	20 năm	Công chức lĩnh vực xây dựng	
58.KT	Hồ sơ về chương trình, kế hoạch, dự án và quản lý nhà ở, khu đô thị trên địa bàn xã	Vĩnh viễn	Công chức lĩnh vực xây dựng	
59.KT	Hồ sơ phê duyệt chương trình, kế hoạch, dự án phát triển nhà ở, khu đô thị trên địa bàn xã	Vĩnh viễn	Công chức lĩnh vực xây dựng	
60.KT	Hồ sơ phê duyệt giá nhà	Vĩnh viễn	Công chức lĩnh vực xây dựng	
61.KT	Hồ sơ về giải quyết khiếu kiện, tranh chấp nhà ở trên địa bàn xã	20 năm	Công chức lĩnh vực xây dựng	
62.KT	Hồ sơ về quản lý sử dụng nhà - đất ở	Vĩnh viễn	Công chức lĩnh vực xây dựng	
63.KT	Hồ sơ về quản lý vật liệu xây dựng, kinh tế xây dựng (đơn giá, định mức, suất đầu tư...)	Vĩnh viễn	Công chức lĩnh vực xây dựng	
64.KT	Hồ sơ về triển khai văn bản của tỉnh về lĩnh vực xây dựng, nhà ở	Vĩnh viễn	Công chức lĩnh vực xây dựng	
65.KT	Hồ sơ triển khai văn bản của xã về lĩnh vực xây dựng, nhà ở	Vĩnh viễn	Công chức lĩnh vực xây dựng	
66.KT	Hồ sơ giải quyết khiếu nại trong lĩnh vực xây dựng	Vĩnh viễn	Công chức lĩnh	

			vực xây dựng	
67.KT	Hồ sơ xử lý đơn thư của các tổ chức cá nhân trong lĩnh vực xây dựng	10 năm	Công chức lĩnh vực xây dựng	
G	Dịch vụ công ích			
68.KT	Chương trình, Kế hoạch, Báo cáo năm, nhiều năm về công tác dịch vụ công ích của xã	Vĩnh viễn	Công chức lĩnh vực Công Thương	
69.KT	Chương trình, Kế hoạch, Báo cáo 6 tháng, quý về công tác dịch vụ công ích của xã	20 năm	Công chức lĩnh vực Công Thương	
70.KT	Chương trình, Kế hoạch, Báo cáo tháng về công tác dịch vụ công ích của tỉnh	5 năm	Công chức lĩnh vực Công Thương	
71.KT	Hồ sơ triển khai văn bản của Trung ương, Tỉnh ủy, HĐND tỉnh về dịch vụ công ích	Vĩnh viễn	Công chức lĩnh vực Công Thương	
72.KT	Hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính về lĩnh vực dịch vụ công ích	Vĩnh viễn	Công chức lĩnh vực Công Thương	
73.KT	Hồ sơ xử lý đơn thư của các tổ chức cá nhân trong lĩnh vực công ích	10 năm	Công chức lĩnh vực Công Thương	